TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 –VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày: 29/01/2026
V/v tranh chấp "*Đòi lại tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Khắc Hiệp.

2. Ông Lê Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sỉ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2025/TLST-DS ngày 10/10/2025 về tranh chấp*"Đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-DS ngày 05/01/2026 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 05/QĐ-CA ngày 28/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huỳnh D, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp T, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ: là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: số A, khu phố P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/7/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh D là bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày:

Ngày 23/4/2024, ông Lê Văn M có hỏi mượn của ông Nguyễn Huỳnh Danh S1 vàng là 02 (hai) lượng vàng, loại vàng miếng SJC Rồng vàng S để làm vốn mua bán phát triển kinh tế gia đình, ông M nhận vàng và ghi giấy nợ, không có sự chứng kiến của bà Đ, thời hạn trả là 06 tháng. Ông D không có hỏi ý kiến bà Đ có đồng ý mượn 02 lượng vàng cùng ông M không. Ông D trực tiếp giao vàng cho ông M tại nhà của ông D, tuy bà Đ không có ký tên vào biên nhận mượn vàng và cũng không có chứng cứ chứng minh bà Đ đồng ý việc ông M mượn vàng ông D như những lần trước đây thì khi cho mượn tiền nhiều lần 02 vợ chồng ông M, bà Đ cùng ký vào biên nhận nợ và đã trả xong, cũng có lần cá nhân ông M mượn nợ và vợ chồng cũng đã trả xong.

Tuy nhiên, kể từ khi hết thời hạn mượn 02 lượng vàng đến nay, rất nhiều lần ông D yêu cầu ông M, bà Đ trả lại cho ông D 02 lượng vàng SJC trên nhưng ông M, bà Đ chỉ hứa hẹn, không trả cho ông D như thỏa thuận.

Từ cơ sở trên, nay ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Huỳnh D 02 lượng vàng miếng SJC Rồng vàng.

Ông D đồng ý lấy giá vàng SJC rồng vàng ngày 29/01/2026 là 184.200.000 đồng/lượng làm cơ sở giải quyết vụ án.

Bà S không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ hay xác minh gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2026 và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 23/01/2026 ông Lê Văn M trình bày:

Ông M thừa nhận có vay của ông Nguyễn Huỳnh D 02 (hai) lượng vàng, loại vàng SJC rồng vàng, mục đích vay là để kinh doanh vựa vật liệu xây dựng tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Đối với Biên nhận mượn vàng ngày 23/4/2024 là do ông M viết và ký tên nhận nợ. Ông M đồng ý trả cho ông D 02 (hai) lượng vàng, loại vàng SJC rồng vàng nhưng xin được trả dần do hoàn cảnh đang gặp khó khăn.

Đối với việc ông D yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới với ông để trả cho ông Danh số vàng này là ông không đồng ý.

Do ông M bị bệnh, đi lại khó khăn nên ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh D yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Lê Văn M trả cho ông D 02 (hai) lượng vàng, loại vàng SJC rồng vàng.

Bà Đ xác nhận ông M có nợ ông D 02 lượng vàng SJC loại vàng rồng nhưng ông D cho ông M mượn không có thông báo cho bà Đ biết, không có sự đồng ý của bà Đ. Bà Đ không đồng ý theo yêu cầu đơn khởi kiện của ông D yêu cầu bà Đ liên đới trả cho ông Danh số tiền 02 lượng vàng miếng SJC với các lý do như sau:

- Thứ nhất là bà Đ không có hỏi mượn ông Danh S1 vàng như ông D nêu trong đơn khởi kiện.

- Thứ hai là lúc ông D cho ông M mượn số vàng 02 lượng cũng không có chữ ký của bà Đ.

Thứ ba ông D không biết ông M mượn vàng của ông D để ông M sử dụng vào mục đích gì.

- Thứ tư là ông D cho ông M mượn số vàng nêu trên cũng không có chữ ký của bà Đ xác nhận để ông M mượn của ông D.

Tuy bà Đ và ông M vẫn còn sống chung nhưng tình cảm vợ chồng đã rạn nứt từ lâu, hiện nay đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Bà Đ khẳng định từ trước đến nay vợ chồng bà chỉ có một của hàng kinh doanh vật liệu xây dựng tại xã M, tỉnh Vĩnh Long chứ hoàn toàn không có cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng nào tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) nên việc ông M cho rằng mục đích mượn vàng là để kinh doanh vựa vật liệu xây dựng là bà Đ không đồng ý.

Qua những điều nêu trong đơn thì giao dịch vay mượn giữa ông D và ông M thì bà Đ hoàn toàn không hay biết, và ông M vay mượn của ông D sử dụng mục đích riêng cá nhân của ông M, ông M có người phụ nữ bên ngoài nên việc vay mượn của ông M nhằm mục đích nuôi người phụ nữ bên ngoài, hiện nay bà Đ cũng có bằng chứng ông M hiện và đang sống với người phụ nữ đó, bà Đ cũng xin cung cấp các bằng chứng bà Đ thu thập được cho Tòa án.

Bà Đ đã giao nộp các hình ảnh thân mật của ông M và người đàn bà khác bên ngoài do đó bà Đ không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ hay xác minh gì thêm cũng như không có yêu cầu Tòa án lấy lời khai đối với người có tên zalo là "vợ yêu" do bà Đ cung cấp.

Bà Đ đồng ý lấy giá vàng SJC rồng vàng ngày 29/01/2026 là 184.200.000 đồng/lượng làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định 203, 205, 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 234, 236, 237, 239 đến Điều

263 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa xác minh làm rõ mục đích sử dụng hai lượng vàng SJC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh D tranh chấp đòi lại tài sản với bị đơn ông Lê Văn M, do bị đơn sinh sống tại xã M, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Qua tố tụng tại Tòa án thì ông Lê Văn M thừa nhận vào ngày 23/4/2024 có vay của ông Nguyễn Huỳnh D 02 (hai) lượng vàng, loại vàng SJC rồng vàng nhưng đến nay chưa trả cho ông D. Chữa viết và chữ ký trong Biên nhận mượn vàng ngày 23/4/2024 là do ông M viết và ký tên. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông D được ông M thừa nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông D không phải chứng minh.

[3] Về trách nhiệm liên đới: Bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với ông Lê Văn M để trả cho ông Nguyễn Huỳnh D 02 (hai) lượng vàng, loại vàng SJC rồng vàng S với lý do ông D cho ông M mượn thì bà Đ không biết, không có ký tên vào giấy nợ và ông M cũng không có sử dụng vào mục đích chung cho gia đình.

Xét thấy lời trình bày của bà Đ là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ ông D thừa nhận khi cho ông M mượn 02 lượng vàng SJC loại vàng rồng thì ông D không có thông báo cho bà Đ biết và không có ý kiến đồng ý của Đ. Ông D thừa nhận trước đây khi cho vợ chồng ông M, bà Đ vay tiền thì cả hai người cùng ký tên vào biên nhận và ông M cũng không đồng ý bà Đ có trách nhiệm liên đới với ông M để trả cho ông Danh số vàng này chứng tỏ đây là nợ riêng của ông M do ông M thực hiện không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Đối với lời trình bày của ông M cho rằng mượn 02 lượng vàng SJC của ông D với mục đích là kinh doanh vựa vật liệu xây dựng tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) là không có cơ sở bởi lẽ căn cứ Biên bản xác minh ngày 05/12/2025 thì được xác nhận ông M và bà Đ có mở của hàng mua bán vật liệu xây dựng Nguyễn Thị Ngọc Đ đặt tại ấp T, xã M tỉnh Vĩnh Long và bà Đ cũng

khẳng định bà và ông M chỉ có một cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng tại xã M, ngoài ra không còn cơ sở kinh doanh nào khác nên không có cơ sở xác định ông M sử dụng 02 lượng vàng SJC vào việc kinh doanh vật liệu xây dựng tại xã M cùng bà Đ.

Tòa án ban hành thông báo số 862/TB-TA ngày 24/11/2025 yêu cầu ông D cung cấp tài liệu chứng minh trách nhiệm liên đới của bà Đ nhưng ông D không cung cấp được mà chỉ căn cứ vào xác minh của chính quyền địa phương cung cấp thông tin rằng ông M và bà Đ có làm ăn kinh tế chung từ năm 2022 đến nay là chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận trách nhiệm liên đới của bà Đ.

Do đó xác định đây là nợ riêng của ông M nên không buộc bà Đ có nghĩa vụ liên đới với ông M để trả cho ông Danh số vàng nêu trên.

[4] Từ những phân tích trên căn cứ quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh D. Buộc ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huỳnh D 02 (hai) lượng vàng SJC, loại rồng vàng.

[5] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông D và đại diện theo ủy quyền của bà Đ cùng thống nhất lấy giá vàng SJC rồng vàng tại thời điểm xét xử (ngày 29/01/2026) có giá 184.200.000 đồng/lượng làm cở sở giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên buộc ông M có nghĩa vụ nộp số tiền 5% giá trị tài sản tranh chấp (368.400.000 đồng x 5%) là 18.420.000 đồng.

- Do yêu cầu khởi kiện của ông D buộc trách nhiệm liên đới của bà Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên buộc ông D có nghĩa vụ nộp án phí 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu

vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh D. Buộc ông Lê Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huỳnh D 02 (hai) lượng vàng (tương đương 20 chỉ vàng) SJC, loại rồng vàng.

2. Không chấp nhận yêu cầu liên đới trả nợ của nguyên đơn ông D buộc bà Đ có nghĩa vụ liên đới cùng ông M trả cho ông D 02 (hai) lượng vàng SJC, loại rồng vàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông M có nghĩa vụ nộp số tiền 18.420.000 đồng.

Buộc ông D có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu số 0004521, ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông D được hoàn trả lại số tiền 4.700.000 đồng theo biên lai thu nêu trên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc